

DANH MỤC
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN U MINH THƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Danh mục các công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất hu hồi (ha)	Vị trí		Vị trí trên bản đồ	Căn cứ pháp lý
						Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
A	Công trình, dự án có trong Danh mục kèm theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua								
I	Các công trình, dự án phải thu hồi đất								
I.1	Công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)								
1	Trạm cấp nước xã Minh Thuận 2	DCT	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	0.35	0.35	U Minh Thượng	Minh Thuận	X=571183.10 Y=1061333.64	Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2	Trạm cấp nước Vĩnh Hòa	DCT	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	0.26	0.26	U Minh Thượng	Vĩnh Hòa	X=575265.31 Y=1070040.40	Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
3	Hồ nước Xèo Kê kết hợp bãi chứa đất nạo vét và kênh thủy lợi thoát nước	DCT	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	60.00	60.00	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=574076.82 Y=1075693.60	Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
4	Dự án nạo vét kênh Xèo Cạn, huyện U Minh Thượng (Bãi chứa đất kênh Xèo Cạn)	DTL	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	9.00	9.00	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=573841.82 Y=1074828.75	Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
I.2	Công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai								
I.3	Công trình, dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2025								
II	Dự án chuyển mục đích sử dụng đất								
B	Các công trình, dự án không nằm trong Danh mục kèm theo các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh								
I	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)								
I.1	Công trình, dự án giao đất, thuê đất								
1	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện U Minh Thượng	DVH	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh huyện U Minh Thượng	3.2		U Minh Thượng	An Minh Bắc	X=567767.50 Y=1069507.71	Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về chủ trương đầu tư một số dự án do Sở Văn hóa
2	Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng	DYT	Trung tâm y tế huyện	4.57		U Minh Thượng	Thanh Yên	X=568194.12 Y=1070481.82	Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng
3	Trạm cấp nước Thanh Yên A	DCT	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	0.2		U Minh Thượng	Thanh Yên A	X=571335.88 Y=1076595.09	Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên, An Minh , U Minh Thượng, Vĩnh Thuận;
4	Trạm cấp nước U Minh Thượng	DCT	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kiên Giang	3.7		U Minh Thượng	Vĩnh Hòa	X=570250.40 Y=1068132.06	Quyết định 793/QĐ-UBND ngày 04/04/2019 của UNND tỉnh Kiên Giang quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng
5	Khu đất ấp Minh Tân	LUC	UBND xã Minh Thuận	3.18		U Minh Thượng	Minh Thuận	X=573172.31 Y=1062180.32	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc, hiện trạng loại đất ngày 02/10/2023
6	Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yếu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022	DBV	Tập đoàn Bưu chính viễn thông VNPT	0.02		U Minh Thượng	Minh Thuận	X=572265.04 Y=1055625.21	Quyết Định số 2257/QĐ-VNPTKG ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tập đoàn Bưu Chính - Viễn Thông Việt Nam về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yếu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022.
II	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai								
II.1	Công trình, dự án giao đất, thuê đất								
1	Mở rộng trường THCS-THPT U Minh Thượng	DGD	Trường THCS-PTTH U Minh Thượng	1.59	0.26	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=567152.17 Y=1070747.19	Công văn số 2963/SGĐBT-KTTC về việc đầu tư xây dựng thêm phòng của trường THCS&THPT U Minh Thượng trong năm 2023.

STT	Danh mục các công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất hu hồi (ha)	Vị trí		Vị trí trên bản đồ	Căn cứ pháp lý	
						Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			
2	Trường bắn U Minh Thượng	CQP	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	3.4	3.4	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=567726.65 Y=1072030.52	Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang Chủ trương đầu tư xây dựng một số hạng mục trong phòng thủ tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	
3	Trạm cấp nước xã An Minh Bắc	DCT	BQL dự án ĐTXD các công trình NNVPTNT tỉnh Kiên Giang	0.27	0.27	U Minh Thượng	An Minh Bắc	X=559309.47 Y=1063421.88	Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên, An Minh , U Minh Thượng, Vĩnh Thuận;	
4	Khu tái định cư và dân cư thu nhập thấp	ONT	Phòng Kinh tế Hạ tầng	5.18	5.18	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=568260.38 Y=1070341.05	Báo cáo số 3603-BC/BCSD ngày 31/5/2024của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc xác định giá đất mới chi phí đầu tư xây dựng đối với Khu Đô thị mới và dự án Khu Tái định cư và dân cư thu nhập thấp tại xã Thanh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	
5	Khu đô thị mới U Minh Thượng	ONT	Phòng Kinh tế Hạ tầng	4.52	4.52	U Minh Thượng	Thanh Yên	X=568168.99 Y=1070089.62	Báo cáo số 3603-BC/BCSD ngày 31/5/2024của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc xác định giá đất mới chi phí đầu tư xây dựng đối với Khu Đô thị mới và dự án Khu Tái định cư và dân cư thu nhập thấp tại xã Thanh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	
6	Đầu giá đất TMD (khu trung tâm hành chính huyện)	TMD	UBND huyện U Minh Thượng	2.86	2.86	U Minh Thượng	An Minh Bắc	X=568031.31 Y=1069526.80	- Trích Đo TD 75-2021 của CN. VP ĐKĐĐ huyện U Minh Thượng xác nhận ngày18/8/2021.	
7	Đầu giá đất ONT (Khu chợ Minh Thuận)	ONT	UBND huyện U Minh Thượng	0.1	0.1	U Minh Thượng	Minh Thuận	X=572379.78 Y=1055673.77	- Trích Đo TD 143-2021 của CN. VP ĐKĐĐ huyện U Minh Thượng xác nhận ngày19/8/2021.	
III	Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2025									
III.1	Công trình, dự án giao đất									
1	Trường TH Minh Thuận 6	DGD	Phòng Giáo dục và Đào tạo	0.55	0.55	U Minh Thượng	Minh Thuận	X=563707.84 Y=1051950.71	Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện U Minh Thượng	
2	Chi cục thuế huyện U Minh Thượng	TSC	Cục thuế tỉnh Kiên Giang	0.56	0.56	U Minh Thượng	An Minh Bắc	X=567990.94 Y=1069405.01	Quyết định số 1253/QĐ-CT ngày 29/10/2010 của Cục Thuế Kiên Giang về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Chi cục thuế U Minh Thượng	
IV	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân							Thửa đất	Tờ bản đồ	
1	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0.24		U Minh Thượng	Minh Thuận	29-2023	8	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								94-2023	3	
								25	285	
								...-2023	1	
								249-2020	10	
								36-2019	1	
								15	234	
									1	
								262-2020	1	
								25-2024	6	
								52-2024	5	
								386-2018	1	
								21	356	
								15	1109	
								21	356	
2	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0.29		U Minh Thượng	An Minh Bắc	39-2024	1	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								51-2024	1	
								43-2020	2	
								6	550	
								2	89	
								12	391	
								477	12	
								14	1	
								4	217	
								42-2024	6	
								73-2022	1	
								49-2019	1	
								17	144	
								17	145	
								3	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	
9	777									
15	970									
2	272									
1	59									
60	143-2024									

STT	Danh mục các công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất hu hồi (ha)	Vị trí		Vị trí trên bản đồ		Căn cứ pháp lý
						Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			
4	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0.54		U Minh Thượng	Hòa Chánh	150-2023	1	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								7	447	
								-2023	1	
								10	919	
								7	427	
								84-2022	2	
								84-2022	3	
								202-2016	1	
								8	203	
								18-2023	1	
								10	9010	
								5	530	
								1233	10	
								116-2023	4	
								11-2024	1	
								2	47a	
								146	8	
								47	66	
								43	132	
								35-2022	01	
								5	1137	
5	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0.56		U Minh Thượng	Thanh Yên	14-2021	01	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								85-2020	01	
								46	2	
								47	101	
								109-2023	1	
								7	820	
								59-2023	9	
								02-2023	1	
								10	84A	
								143-2020	1	
								1	260-2023	
								13	1002	
6	Chuyển sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0.12		U Minh Thượng	Thanh Yên A	6	4	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								65	21	
								139-2022	2	
								10	415	
								9	2704	
								72-2024	2	
								16-2022	1	
								38	20	
7	Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ	TMD	Hộ gia đình, cá nhân	0.05		U Minh Thượng	Mình Thuận	3	123A	Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận, Sơ đồ vị trí
								2	95	
								77-2023	5	
								81-2023	2	
								2	797	
								91-2023	2	
								186-2023	1.2	